

# BÀN THỜ GIA TIÊN – GIƯỜNG THỜ

## Từ không gian thờ tự truyền thống Việt Nam đến bàn thờ gia tiên trong gia đình Công giáo

Michel Nguyễn Hạnh  
Phó Trưởng Ban Từ Vực Hán Nôm Công Giáo  
Phân ban thuộc Ủy ban Giáo Lý Đức Tin –  
Thành viên Ủy ban Văn hóa

Trong *Quyết nghị về Lễ nghi Tôn kính Ông Bà Tổ Tiên* năm 1974 có một câu mà người đọc hôm nay có thể thấy quen một nửa, lạ một nửa:

“Việc đốt nhang hương, đèn nến trên **bàn thờ gia tiên** và vái lạy trước **bàn thờ, giường thờ Tổ Tiên**, là những cử chỉ thái độ hiếu thảo tôn kính, được phép làm.”

Văn kiện còn nói đến việc đôi tân hôn được làm “**Lễ Tổ, Lễ Gia Tiên**” trước **bàn thờ, giường thờ Tổ Tiên**, vì đó là nghi lễ biểu lộ lòng biết ơn, hiếu kính và trình diện với ông bà. Giáo phận Hưng Hóa

“**Bàn thờ gia tiên**” thì hầu như ai cũng hiểu. Nhưng “**giường thờ**” là gì? Tại sao lại gọi một nơi thờ tổ tiên là “giường”? Bàn thờ và giường thờ là một hay hai vật khác nhau? Và vì sao thuật ngữ này lại xuất hiện trong một văn kiện Công giáo?

Muốn hiểu những câu ấy, cần trở về với không gian thờ tự trong ngôi nhà truyền thống của người Việt, đặc biệt ở Nam Bộ.

### 1. BÀN THỜ: một cái “bàn” nhưng không chỉ là một cái bàn

Xét theo cấu tạo từ, bàn thờ là chiếc bàn hay bệ dành cho việc thờ.

Nhưng như đã phân tích ở bài **THỜ là gì?**, chữ thờ trong tiếng Việt có trường nghĩa rộng hơn “thờ phượng”. Người Việt nói thờ tổ tiên, thờ ông bà, thờ cha kính mẹ, để diễn tả lòng kính trọng, biết ơn và đạo hiếu, chứ không nhất thiết nhìn những người được “thờ” như thần linh.

Vì vậy, bàn thờ gia tiên trước hết phải được hiểu từ chữ gia tiên 家先:

家 – **gia**: nhà, gia đình, dòng họ.

先 – **tiên**: trước, người đi trước.

Gia tiên, theo nghĩa thông dụng, là **những người thuộc các thế hệ đã đi trước trong gia đình, dòng họ**.

Do đó, bàn thờ gia tiên là nơi con cháu dành riêng để **kính nhớ những người đi trước**, duy trì kỷ ức gia đình và biểu lộ đạo hiếu.

Điều này rất gần với điều đã trình bày về chữ **HIẾU** 孝:

**lão** 𠂔 – thế hệ trước

↓ trao truyền sự sống

孝 – **HIẾU**

↑ nhận ơn – biết ơn – báo ơn

**tử** 子 – thế hệ sau

Bàn thờ gia tiên chính là một trong những nơi hữu hình để mối quan hệ vô hình ấy được biểu hiện.

Mối liên hệ giữa đạo hiếu và việc kính nhớ tổ tiên đã được trình bày trong *Hiếu kinh* (孝經), một tác phẩm quan trọng của truyền thống Nho gia. *Thiên Kỷ hiếu hành* (紀孝行), chương 10, viết: “孝子之事親也，居則致其敬，養則致其樂，病則致其憂，喪則致其哀，祭則致其嚴” (*Hiếu tử chỉ sự thân dã, cư tắc trí kỳ kính, dưỡng tắc trí kỳ lạc, bệnh tắc trí kỳ ưu, tang tắc trí kỳ ai, tế tắc trí kỳ nghiêm*), nghĩa là: Người con có hiếu khi phụng sự cha mẹ, lúc thường ngày thì hết lòng kính trọng, khi phụng dưỡng thì hết lòng làm cho cha mẹ vui, khi cha mẹ đau yếu thì hết lòng lo lắng, khi cha mẹ qua đời thì hết lòng thương tiếc, còn khi tế tự thì hết lòng trang nghiêm.

Đáng chú ý, *Hiếu kinh* đặt việc tế tự – tế (祭) trong cùng một mạch đạo lý với những bổn phận của người con đối với cha mẹ khi còn sống. Điều này cho thấy trong tư tưởng Nho gia, việc kính nhớ cha mẹ sau khi qua đời không tách rời bổn phận phụng dưỡng và kính trọng các ngài lúc sinh thời. Từ góc nhìn ấy, bàn thờ gia tiên trong văn hóa Việt Nam có thể được hiểu như một không gian hữu hình giúp con cháu tiếp tục

biểu lộ lòng hiếu kính, gìn giữ kỷ ức gia đình và tưởng nhớ công ơn của các thế hệ đi trước. Tuy nhiên, *Hiếu kinh* không trực tiếp quy định hình thức bàn thờ gia tiên của người Việt, nên không thể sử dụng đoạn văn này để xác định nguồn gốc kiến trúc hoặc cách bài trí bàn thờ.

## 2. Vì sao bàn thờ thường ở vị trí trang trọng trong nhà?

Trong truyền thống văn hóa Á Đông, ngôi nhà không chỉ là nơi cư trú của những người đang sống, mà còn là không gian gắn kết các thế hệ, lưu giữ kỷ ức về nguồn cội và thực hành những nghi thức tưởng nhớ tổ tiên. Mối liên hệ giữa gia đình, nơi cư trú và việc thờ tự có thể được gọi mở từ chữ **gia** (家) trong Hán tự, mặc dù cần phân biệt cách giải thích ý nghĩa văn hóa với những kết luận về nguồn gốc tự dạng.

Theo Michel Nguyễn Hạnh, trong *Tự điển Hán Việt tầm nguyên – Chiết tự: Từ hình đến nghĩa* (Nhà xuất bản Đồng Nai, 2025), chữ **gia** (家) gồm hai thành tố: **miên** (宀), biểu thị mái nhà, và **thỉ** (豕), chỉ con heo. Tác giả liên hệ cấu tạo chữ này với tập tục hiến tế tổ tiên, đồng thời giải thích hình thức Giáp cốt văn theo hướng mô tả con heo được đặt dưới mái nhà để phục vụ nghi lễ. Tuy nhiên, đây là một cách lý giải cần được đối chiếu thêm với các nghiên cứu văn tự học, bởi sự hiện diện của hai thành tố 宀 và 豕 chưa đủ để khẳng định tự dạng nguyên thủy nhất thiết diễn tả một cuộc tế tự tổ tiên.

Liên quan đến việc tế tự trong không gian cư trú, thiên *Vương chế* (王制) của sách *Lễ ký* (禮記) có câu: 「庶人祭於寢。」, phiên âm Hán Việt: “*Thứ nhân tế ư tẩm*”, nghĩa là người dân thường thực hiện việc tế tự tại nơi ở. Câu văn phản ánh mối liên hệ giữa nghi lễ và không gian sinh hoạt gia đình trong lễ chế cổ Trung Hoa, nhưng không đủ để xác định nguồn gốc trực tiếp của cách bố trí bàn thờ trong nhà ở Việt Nam. Điều có thể nhận thấy là trong những truyền thống chịu ảnh hưởng Nho gia, việc thờ kính tổ tiên gắn bó mật thiết với gia đình, huyết thống và nơi cư trú.

Trong *Hiếu kinh*, thiên *Tang thân* (喪親), chương 18, có câu: “春秋祭祀，以時思之” (*Xuân thu tế tự, dĩ thời tư chi*), nghĩa là: Mùa xuân, mùa thu thực hiện việc tế tự, theo thời tiết mà tưởng nhớ người đã khuất. Chữ *tư* (思) có nghĩa là nhớ, nghĩ đến, tưởng nhớ; còn *tế tự* (祭祀) chỉ

những nghi lễ dâng tế theo truyền thống cổ truyền. Câu văn cho thấy việc tưởng nhớ cha mẹ sau khi qua đời được đặt trong một nhịp sinh hoạt nghi lễ có tính định kỳ, qua đó lòng hiếu kính của con cháu tiếp tục được biểu lộ.

Khi đối chiếu với phong tục Việt Nam, có thể nhận thấy một điểm tương đồng đáng chú ý: việc kính nhớ tổ tiên không chỉ diễn ra trong thời gian tang chế mà còn được duy trì qua những dịp giỗ chạp, lễ Tết và các cuộc sum họp gia đình. Tuy nhiên, sự tương đồng về tinh thần đạo hiếu không đủ để kết luận rằng cách bố trí bàn thờ ở gian giữa nhà Việt Nam trực tiếp bắt nguồn từ lời dạy của Hiếu kinh. Vị trí bàn thờ còn liên quan đến lịch sử kiến trúc, lễ nghi gia đình và phong tục của từng địa phương.

Trong ngôi nhà Việt Nam truyền thống, bàn thờ tổ tiên thường được đặt ở vị trí trang trọng. Đối với kiểu nhà ba gian phổ biến tại nhiều địa phương, gian giữa thường vừa là nơi tiếp khách, tổ chức những sinh hoạt quan trọng, vừa là nơi thờ kính ông bà tổ tiên. Cách bố trí ấy phản ánh sự coi trọng nguồn cội và vị trí của các thế hệ đi trước, bởi đây cũng là nơi con cháu quy tụ trong những dịp giỗ chạp, lễ Tết và các sự kiện quan trọng của gia đình.

Tuy nhiên, hình thức và vị trí nơi thờ tự không hoàn toàn giống nhau giữa các vùng miền và thời kỳ. Tùy theo kiến trúc nhà ở, điều kiện kinh tế và phong tục địa phương, nơi thờ tổ tiên có thể được thiết lập bằng bàn thờ, án thờ, tủ thờ hoặc những vật dụng khác; tại một số địa phương còn có tên gọi giường thờ. Vì vậy, không nên hình dung rằng mọi gia đình Việt Nam từ xưa đều sử dụng cùng một kiểu bàn thờ hoặc tuân theo một cách bài trí duy nhất.

Dẫu có những khác biệt về hình thức, nơi thờ tổ tiên vẫn mang một giá trị văn hóa bền vững: nhắc nhở sự tiếp nối giữa các thế hệ và công lao của những người đi trước. Vị trí trang trọng dành cho bàn thờ vì thế không chỉ biểu thị lòng tôn kính đối với người đã khuất, mà còn diễn tả vị trí của đạo hiếu trong đời sống gia đình Việt Nam.

Bàn thờ, vì thế, không chỉ là nơi đặt những vật phẩm thờ tự, mà còn là không gian lưu giữ ký ức gia đình, nơi con cháu tưởng nhớ công đức

tổ tiên và ý thức trách nhiệm tiếp nối những giá trị được truyền lại qua nhiều thế hệ.

### 3. Giường thờ là gì?

Theo Paulus Huỳnh Tịnh Của, trong *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị*, Tome I, tr. 370, mục từ **“Giường thờ”** được giải thích: “Giường sắm riêng để mà thờ ông bà.” Đến *Đại từ điển tiếng Việt* do Nguyễn Như Ý chủ biên, mục từ “giường thờ” được ghi nhận là danh từ, với định nghĩa: “Bàn thờ tổ tiên, cao và rộng, đặt ở gian giữa nhà chính.” Tuy cách diễn đạt khác nhau, cả hai từ điển đều xác định giường thờ là vật dụng dành cho việc thờ kính tổ tiên trong gia đình.

Tuy nhiên, những định nghĩa ấy chủ yếu cho biết công dụng và một số đặc điểm của giường thờ, chứ chưa giải thích được một câu hỏi đáng chú ý: **Tại sao vật dụng dùng để thờ kính tổ tiên lại được gọi là “giường”, thay vì bàn thờ, án thờ hoặc tủ thờ như cách gọi quen thuộc ngày nay?** Câu hỏi này gợi mở khả năng tên gọi giường thờ còn lưu giữ dấu vết của những tập quán sinh hoạt và thờ cúng trong gia đình truyền thống.

Trước hết, cần lưu ý rằng trong thực tế lịch sử và phong tục địa phương, giường thờ không nhất thiết chỉ một kiểu đồ thờ duy nhất. Tùy theo điều kiện cư trú và truyền thống gia đình, vật dụng này có thể khác nhau về kích thước, cấu tạo, cách bài trí và mối liên hệ với những đồ thờ khác. Vì vậy, không nên lấy hình thức giường thờ được bảo lưu tại một địa phương làm khuôn mẫu chung cho mọi vùng miền và thời kỳ.

Trong một số tập quán truyền thống, đặc biệt tại Nam Bộ, giường thờ có hình thức hoặc mối liên hệ với chiếc giường dùng trong sinh hoạt gia đình. Theo một số ghi chép về phong tục địa phương, sau khi cha mẹ qua đời, con cháu có thể giữ lại chiếc giường mà các ngài từng nằm để làm nơi tưởng niệm, thờ kính, đồng thời bố trí bàn thờ hoặc tủ thờ phía trước để đặt các vật phẩm nghi lễ. Nếu được xác nhận bằng những tư liệu cụ thể, tập quán này có thể góp phần giải thích tên gọi giường thờ, khi vật dụng gắn bó với người quá cố được chuyển sang một chức năng

mới trong không gian tưởng niệm.

Cùng với sự thay đổi của kiến trúc nhà ở và nếp sống gia đình, hình thức giường thờ cũng có thể biến đổi hoặc được giản lược, trong khi tên gọi vẫn được bảo lưu tại một số địa phương. Đây là hiện tượng đáng chú ý về phương diện ngôn ngữ, khi tên gọi của một vật dụng tiếp tục tồn tại dù hình thức và cách sử dụng đã thay đổi.

Như vậy, chữ “giường” trong giường thờ không nên được hiểu đơn giản là một cách gọi khác của chữ “bàn”, bởi tên gọi này có thể phản ánh mối liên hệ giữa vật dụng thờ tự với đời sống gia đình và tập quán tưởng niệm người đã khuất. Dù nguồn gốc chính xác của thuật ngữ vẫn cần được khảo chứng thêm, giường thờ không chỉ là tên gọi một vật dụng, mà còn gọi nhớ một nếp sống truyền thống, trong đó việc kính nhớ ông bà tổ tiên gắn bó mật thiết với chính ngôi nhà của gia đình.

#### **4. Từ chiếc giường người sống đến giường thờ người đã khuất**

Việc tìm hiểu giường thờ cho thấy mối liên hệ đáng chú ý giữa không gian sinh hoạt của người còn sống với nơi tưởng niệm những người đã qua đời. Trong đời sống gia đình, chiếc giường vốn là vật dụng gần gũi, gắn bó với ông bà, cha mẹ; nhưng tại một số địa phương, khi các ngài qua đời, chính chiếc giường ấy hoặc một vật dụng mang dáng dấp chiếc giường có thể được giữ lại để thờ kính, tưởng niệm. Điều này cho thấy không gian thờ tổ tiên đôi khi được hình thành từ những vật dụng từng gắn bó với đời sống thường ngày của người đã khuất.

Một số ghi chép về phong tục Nam Bộ cho biết giường thờ ngày trước có thể được bày biện mùng, mền, chiếu, gối, tương tự những vật dụng dành cho người còn sống. Cách bài trí ấy phản ánh quan niệm truyền thống về sự gắn bó giữa người đã khuất với gia đình, trong đó lòng hiếu thảo tiếp tục được biểu lộ qua những hình thức chăm sóc mang tính tượng trưng. Phía trước giường thờ có thể đặt bàn thờ hoặc tủ thờ với bài vị, di ảnh, lư hương, chân đèn, bình hoa và lễ phẩm. Tuy nhiên, đây chỉ là một hình thức được ghi nhận trong những hoàn cảnh nhất định, không phải khuôn mẫu chung cho mọi gia đình Nam Bộ.

Những tập quán ấy phần nào giúp giải thích vì sao vật dụng thờ kính tổ tiên mang tên gọi giường thờ. Chữ giường có thể không chỉ phản ánh hình dáng đồ vật, mà còn gọi lại nơi nghỉ ngơi của ông bà, cha mẹ khi còn sống, nay trở thành không gian tưởng niệm sau khi các ngài qua đời. Qua đó, giường thờ thể hiện sự tiếp nối giữa các thế hệ và tâm thức đạo hiếu của người Việt, khi lòng kính trọng đối với cha mẹ vẫn được duy trì bằng việc tưởng nhớ, gìn giữ kỷ vật và thực hiện những nghi thức gia đình.

Tuy nhiên, tìm hiểu nguồn gốc văn hóa của một tập tục không đồng nghĩa với việc chấp nhận mọi quan niệm tín ngưỡng gắn với tập tục ấy. Việc giữ lại chiếc giường hoặc những vật dụng quen thuộc của cha mẹ có thể biểu lộ tình cảm và lòng hiếu thảo; nhưng nếu đi kèm niềm tin rằng linh hồn người quá cố phải cư ngụ trong chiếc giường, tiếp tục sử dụng những vật dụng ấy hoặc lệ thuộc vào lễ phẩm vật chất, thì đó là những quan niệm cần được phân định. Vì vậy, ý nghĩa của giường thờ không thể được xác định chỉ qua hình thức bên ngoài, mà còn tùy thuộc vào niềm tin và mục đích của người thực hiện nghi thức.

Để hiểu chiều kích đạo hiếu trong việc gìn giữ những vật dụng gắn bó với cha mẹ sau khi các ngài qua đời, có thể tham khảo thêm *Hiếu kinh*, thiên *Tang thân*, với lời dạy: “生事愛敬，死事哀戚，生民之本盡矣，死生之義備矣，孝子之事親終矣” (*Sinh sự ái kính, tử sự ai thích, sinh dân chi bản tận hĩ, tử sinh chi nghĩa bị hĩ, hiếu tử chi sự thân chung hĩ*), nghĩa là: Khi cha mẹ còn sống thì phụng sự bằng lòng yêu thương và kính trọng, khi cha mẹ qua đời thì phụng sự bằng lòng thương tiếc; như thế là đã thực hiện trọn vẹn đạo lý căn bản của con người, chu toàn nghĩa vụ đối với sự sống và cái chết, và hoàn tất bốn phận của người con có hiếu đối với cha mẹ.

Lời dạy này cho thấy trong tư tưởng Nho gia, bốn phận của người con đối với cha mẹ bao gồm cả thái độ khi các ngài còn sống và khi đã qua đời. Đặt trong bối cảnh văn hóa Việt Nam, việc giữ lại chiếc giường, những kỷ vật hoặc thiết lập một không gian tưởng niệm có thể được nhìn nhận như những cách biểu lộ tình cảm và lòng hiếu kính. Tuy nhiên, Hiếu kinh không nói đến giường thờ hoặc linh sàng, nên lời dạy

trên chỉ giúp soi sáng nền tảng đạo đức của việc tưởng niệm, chứ không chứng minh nguồn gốc trực tiếp của các vật dụng ấy.

Sự phân biệt này đặc biệt quan trọng khi đọc các văn kiện Công giáo về việc tôn kính tổ tiên. Giáo hội nhìn nhận những giá trị văn hóa và đạo hiếu trong truyền thống dân tộc, đồng thời mời gọi người tín hữu phân định những quan niệm không phù hợp với đức tin. Theo đó, giá trị của giường thờ, khi được sử dụng như một dấu chỉ tưởng niệm, không nằm ở niềm tin rằng linh hồn người đã khuất hiện diện trong vật dụng ấy, mà ở lòng biết ơn, sự kính trọng và ký ức gia đình được con cháu gìn giữ.

## 5. Bàn thờ và giường thờ: một hay hai?

Để trả lời câu hỏi bàn thờ và giường thờ là một hay hai vật dụng khác nhau, trước hết cần phân biệt giữa cách sử dụng từ ngữ và hình thức bài trí thực tế, bởi ý nghĩa của hai tên gọi có thể thay đổi theo thời kỳ, địa phương và truyền thống gia đình. Trong một số trường hợp, giường thờ được dùng gần như đồng nghĩa với bàn thờ tổ tiên, như định nghĩa trong *Đại từ điển tiếng Việt* do Nguyễn Như Ý chủ biên: “Bàn thờ tổ tiên, cao và rộng, đặt ở gian giữa nhà chính.” Theo nghĩa này, hai tên gọi không nhất thiết chỉ hai vật dụng riêng biệt.

Tuy nhiên, trong một số ngôi nhà truyền thống, đặc biệt tại Nam Bộ, giường thờ và bàn thờ hoặc tủ thờ có thể là hai thành phần cùng hiện diện trong không gian thờ tự. Theo cách bài trí ấy, giường thờ thường ở phía trong, gắn với nơi tưởng niệm người đã khuất, còn phía trước đặt bàn thờ hoặc tủ thờ để bày biện bài vị, di ảnh, lư hương, chân đèn, bình hoa và lễ phẩm. Như vậy, tuy cùng phục vụ việc thờ kính tổ tiên, chúng có thể khác nhau về cấu tạo, vị trí và chức năng cụ thể.

Sự phân biệt này giúp chúng ta hiểu một chi tiết đáng chú ý trong *Quyết nghị về Lễ nghi Tôn kính Ông bà Tổ tiên* ngày 14.11.1974 của các giám mục miền Nam Việt Nam. Khi đề cập đến những hình thức kính lễ tổ tiên, văn kiện sử dụng cụm từ “bàn thờ, giường thờ Tổ Tiên”, thay vì chỉ dùng một tên gọi duy nhất. Cách diễn đạt ấy cho thấy các giám mục đã

lưu ý đến những thuật ngữ và hình thức thờ tự quen thuộc trong đời sống văn hóa của người Việt.

Cụm từ này xuất hiện khi bản Quyết nghị đề cập đến việc vái lạy trước nơi thờ kính ông bà, cũng như những nghi thức “Lễ Tổ, Lễ Gia Tiên” được thực hiện trước bàn thờ hoặc giường thờ tổ tiên. Tuy nhiên, từ cách dùng từ ấy, không thể kết luận rằng văn kiện nhất thiết xem bàn thờ và giường thờ là hai vật dụng luôn tồn tại riêng biệt, hoặc hai tên gọi hoàn toàn đồng nghĩa trong mọi trường hợp.

Vì vậy, việc đặt hai thuật ngữ cạnh nhau trong Quyết nghị năm 1974 có thể được hiểu như một cách diễn đạt bao quát những tên gọi và hình thức thờ tự khác nhau trong văn hóa Việt Nam. Điều này cũng nhắc chúng ta rằng khi tìm hiểu các văn kiện lịch sử, cần chú ý đến nghĩa địa phương và hoàn cảnh sử dụng từ ngữ, thay vì chỉ dựa vào cách hiểu phổ biến ngày nay.

Như vậy, bàn thờ và giường thờ có thể là một nếu xét theo tên gọi và chức năng thờ kính tổ tiên, nhưng cũng có thể là hai nếu xét theo cấu tạo và cách bài trí trong một số ngôi nhà truyền thống. Sự phân biệt ấy không chỉ giúp hiểu đúng cách diễn đạt của Quyết nghị năm 1974, mà còn cho thấy tính đa dạng của những hình thức thờ kính tổ tiên trong văn hóa Việt Nam.

## **6. Vì sao “giường thờ” ngày nay trở nên xa lạ?**

Một trong những nguyên nhân khiến tên gọi giường thờ ngày nay trở nên xa lạ là sự thay đổi của không gian cư trú và nếp sinh hoạt gia đình. Trong ngôi nhà Việt Nam truyền thống, đặc biệt kiểu nhà ba gian hoặc những ngôi nhà có diện tích rộng, gian giữa thường được dành một vị trí trang trọng để thờ kính tổ tiên. Ở một số địa phương, không gian ấy có thể gồm giường thờ phía trong và bàn thờ hoặc tủ thờ phía trước, tạo thành cách bài trí gắn với phong tục và quan niệm tưởng niệm ông bà của các thế hệ trước.

Cùng với quá trình đô thị hóa, sự thay đổi kiến trúc và việc thu hẹp diện tích nhà ở, những hình thức thờ tự truyền thống cũng dần được

điều chỉnh. Trong nhà phố hoặc căn hộ chung cư, việc bố trí đồng thời giường thờ và bàn thờ theo lối cũ không còn thuận tiện, nên nhiều gia đình chuyển sang sử dụng bàn thờ, tủ thờ hoặc bàn thờ treo tường để tiết kiệm không gian.

Một số ghi chép về phong tục Nam Bộ cho thấy giường thờ dần ít được sử dụng khi không gian thờ tự được giản lược, trong khi bàn thờ hoặc tủ thờ được bố trí gọn hơn, đôi khi đặt sát vách nhà. Tuy nhiên, sự thay đổi này không diễn ra đồng đều ở mọi địa phương, bởi có những gia đình vẫn bảo lưu đồ thờ cổ truyền, trong khi những gia đình khác đã thay đổi cách bài trí từ nhiều thế hệ trước.

Sự biến đổi của vật dụng cũng ảnh hưởng đến đời sống ngôn ngữ. Khi một đồ vật không còn hiện diện thường xuyên trong sinh hoạt, tên gọi của nó dần ít được sử dụng, dù vẫn được lưu giữ trong từ điển, tư liệu lịch sử hoặc ký ức của người lớn tuổi. Vì vậy, sự xa lạ của thuật ngữ giường thờ ngày nay có thể phản ánh những thay đổi của môi trường văn hóa và nếp sống gia đình, chứ không nhất thiết chứng tỏ tên gọi ấy vốn hiếm gặp trong quá khứ.

Chính vì thế, khi đọc cụm từ “vái lạy trước bàn thờ, giường thờ Tổ Tiên” trong *Quyết nghị về Lễ nghi Tôn kính Ông bà Tổ tiên* ngày 14.11.1974, nhiều người trẻ có thể cảm thấy khó hiểu, thậm chí tưởng rằng giường thờ là một vật phẩm tôn giáo đặc biệt. Thực ra, xét về phương diện ngôn ngữ và lịch sử văn hóa, đây trước hết là tên gọi một vật dụng hoặc hình thức thờ kính tổ tiên từng hiện diện trong đời sống gia đình Việt Nam. Bản thân tên gọi ấy không đủ để xác định một quan niệm tín ngưỡng cụ thể, bởi ý nghĩa còn tùy thuộc vào cách sử dụng và những nghi thức được thực hiện tại đó.

Như vậy, tìm hiểu sự mai một của tên gọi giường thờ cũng là cách nhận diện những biến đổi của văn hóa gia đình Việt Nam. Dù vật dụng có thể thay đổi hoặc không còn phổ biến, những dấu vết lưu lại trong ngôn ngữ và văn kiện lịch sử vẫn giúp chúng ta hiểu thêm nếp sống của các thế hệ đi trước. Đó cũng là lý do cần giải thích thuật ngữ giường thờ khi nghiên cứu các văn kiện Công giáo về việc tôn kính tổ tiên, thay vì chỉ dựa vào cách hiểu và hình thức bàn thờ quen thuộc ngày nay.

## 7. Từ “giường thờ” đến “linh sàng 靈床”

Khi tìm hiểu tên gọi *giường thờ*, có một thuật ngữ Hán-Việt đáng chú ý là *linh sàng* (靈床), cũng sử dụng hình ảnh chiếc giường để chỉ một vật dụng hoặc không gian gắn với người đã khuất. Xét về từ nghĩa, chữ *linh* (靈) trong ngữ cảnh tang lễ thường liên quan đến người quá cố và việc tưởng niệm, còn chữ *sàng* (床) nghĩa là giường. Vì vậy, *linh sàng* có thể được hiểu khái quát là chiếc giường hoặc nơi được thiết lập dành cho người đã qua đời trong không gian tang chế.

Trong nghi thức tang ma truyền thống, *linh sàng* thường gắn với thời gian tang chế, được sắp đặt như nơi nghỉ tượng trưng của người quá cố. Tùy theo lễ chế và phong tục địa phương, hình thức *linh sàng* có thể khác nhau, nhưng điểm đáng chú ý là việc sử dụng hình ảnh chiếc giường quen thuộc trong sinh hoạt để tạo nên một không gian tưởng niệm. Qua đó, vật dụng vốn phục vụ đời sống thường ngày được chuyển sang chức năng nghi lễ.

Thuật ngữ *linh sàng* cũng xuất hiện trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du:

“Sang nhà cha, tới trung đường,

*Linh sàng* bài vị thờ nàng ở trên.”

Hai câu thơ cho thấy *linh sàng* và *bài vị* đã được sử dụng trong văn học cổ điển để diễn tả không gian thờ kính người đã khuất. Trong đó, *linh sàng* gọi đến nơi dành cho người quá cố, còn *bài vị* là vật ghi nhận danh tính hoặc vị trí tưởng niệm của người ấy. Tuy nhiên, câu thơ không mô tả cụ thể hình dáng và cách bài trí, nên không đủ căn cứ để đồng nhất *linh sàng* với một kiểu giường thờ nhất định.

Mặc dù gần gũi về hình thức và ý nghĩa văn hóa, *linh sàng* và *giường thờ* vẫn cần được phân biệt. *Linh sàng* thường xuất hiện trong bối cảnh tang chế, nhất là đối với người mới qua đời; trong khi *giường thờ*, theo cách dùng dân gian, có thể là vật dụng dành cho việc thờ kính ông bà, cha mẹ và tổ tiên lâu dài. Hai hình thức này có thể tương tự nhau hoặc cùng phản ánh quan niệm dành cho người đã khuất một không gian tượng trưng như khi còn sống, nhưng không vì thế mà hoàn toàn đồng nhất về chức năng và phạm vi sử dụng.

Do đó, việc đối chiếu hai thuật ngữ không nhằm khẳng định mọi *giường thờ* đều bắt nguồn trực tiếp từ *linh sàng*, mà giúp nhận diện một nét văn hóa truyền thống: con cháu tưởng nhớ người đã khuất qua những vật dụng và không gian gọi lại nếp sinh hoạt gia đình.

Như vậy, chữ *giường* trong tên gọi *giường thờ* có thể lưu giữ dấu vết của những hình thức tưởng niệm gắn với đời sống thường ngày. Việc tìm hiểu *linh sàng* (靈床) giúp làm sáng tỏ mối liên hệ giữa ngôn ngữ, vật dụng và phong tục tang lễ, đồng thời nhắc chúng ta cần đặt những thuật ngữ lịch sử vào đúng bối cảnh văn hóa của chúng.

## 8. Văn kiện Công giáo năm 1974 đã tiếp nhận điều gì?

Một điểm đáng chú ý trong Quyết nghị về Lễ nghi Tôn kính Ông bà Tổ tiên ngày 14.11.1974 của các giám mục miền Nam Việt Nam là văn kiện không phủ nhận bàn thờ hoặc giường thờ tổ tiên chỉ vì những vật dụng ấy thuộc truyền thống văn hóa Việt Nam. Trái lại, bản Quyết nghị nhìn nhận rằng người Công giáo có thể tiếp tục sử dụng những hình thức thờ tự quen thuộc để diễn tả lòng hiếu thảo và tưởng nhớ tổ tiên, miễn là không đi kèm những quan niệm hoặc thực hành trái với đức tin. Vì vậy, cần phân biệt giữa hình thức vật chất, ý nghĩa của các cử chỉ kính lễ và nội dung tín ngưỡng gắn với chúng.

Tại điểm thứ nhất, bản Quyết nghị cho phép thiết lập bàn thờ gia tiên để kính nhớ ông bà tổ tiên, nhưng không chấp nhận những vật phẩm bị xem là mê tín dị đoan, trong đó nêu đích danh *hồn bạch* (魂帛). Chi tiết này cho thấy việc nhìn nhận bàn thờ gia tiên không đồng nghĩa với chấp nhận mọi vật phẩm hoặc quan niệm tín ngưỡng từng hiện diện trong phong tục thờ cúng cổ truyền.

Đến điểm thứ hai, văn kiện đề cập đến việc đốt hương, đèn nến và vái lạy trước “bàn thờ, giường thờ Tổ Tiên”, đồng thời nhìn nhận đó có thể là “những cử chỉ thái độ hiếu thảo tôn kính”. Việc sử dụng đồng thời hai tên gọi cho thấy bản Quyết nghị đã lưu ý đến những hình thức thờ tự khác nhau trong đời sống gia đình Việt Nam, đồng thời xác định rằng các cử chỉ được thực hiện tại đó có thể biểu lộ lòng hiếu kính, chứ

không nhất thiết mang ý nghĩa thờ phượng theo thần học Công giáo.

Tại điểm thứ tư, bản Quyết nghị còn cho phép cô dâu và chú rể thực hiện “Lễ Tổ, Lễ Gia Tiên” trước bàn thờ hoặc giường thờ tổ tiên, nhằm bày tỏ lòng biết ơn, sự hiếu kính và trình diện với ông bà trong ngày thành hôn. Trong văn hóa Việt Nam, hôn lễ không chỉ là sự kết hợp của đôi nam nữ mà còn là sự kiện của gia đình và dòng họ; vì thế, nghi thức gia tiên có thể diễn tả lòng tri ân đối với các thế hệ đi trước và ý thức tiếp nối truyền thống gia đình.

Đối chiếu ba điểm trên, có thể thấy Quyết nghị năm 1974 đã tiếp nhận những phong tục tôn kính tổ tiên với sự phân định giữa văn hóa và đức tin. Văn kiện không đánh giá bàn thờ, giường thờ hoặc các cử chỉ kính lễ chỉ qua hình thức bên ngoài, nhưng cũng không mặc nhiên chấp nhận mọi vật phẩm và nghi thức truyền thống. Một mặt, việc thắp hương, đèn nến, vái lạy và làm lễ gia tiên có thể biểu đạt lòng hiếu thảo; mặt khác, những yếu tố bị xem là mê tín dị đoan vẫn cần được loại trừ.

Sự phân định ấy cũng giúp làm sáng tỏ nghĩa của chữ thờ trong tiếng Việt. Thờ kính tổ tiên có thể diễn tả lòng biết ơn và tưởng nhớ ông bà cha mẹ, chứ không đồng nhất với sự thờ phượng tuyệt đối dành riêng cho Thiên Chúa. Vì vậy, ý nghĩa của bàn thờ, giường thờ và những nghi thức được thực hiện tại đó phải được xem xét trong bối cảnh văn hóa, mục đích và niềm tin của người thực hành.

Sự phân định này còn có nền tảng trong *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo*. Khi giải thích điều răn thứ tư, sách xác định rằng điều răn này không chỉ liên quan đến bốn phận của con cái đối với cha mẹ, mà còn bao hàm sự kính trọng, yêu mến và biết ơn đối với những người cao niên và tổ tiên (x. GLHTCG, số 2199). Như vậy, việc kính nhớ ông bà tổ tiên không phải là một thực hành xa lạ với đời sống đạo đức Công giáo, nhưng có thể được đặt trong phạm vi bốn phận hiếu thảo và lòng biết ơn đối với những người đi trước.

Tuy nhiên, bốn phận tôn kính ấy cần được phân biệt với hành vi thờ phượng. *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo* dạy rằng việc thờ phượng là hành vi nhìn nhận Thiên Chúa là Đấng Tạo Hóa và là Chúa của muôn loài (x. GLHTCG, số 2096–2097), đồng thời cảnh giác con người không

được thần thánh hóa bất cứ thụ tạo nào để đặt vào vị trí của Thiên Chúa (x. GLHTCG, số 2112–2114). Vì vậy, việc thiết lập bàn thờ gia tiên, thắp hương, đèn nến hoặc cúi đầu trước di ảnh tổ tiên có thể diễn tả lòng hiếu kính, nhưng không được hiểu như hành vi tôn thờ tổ tiên với quyền năng thần linh thuộc riêng về Thiên Chúa.

Như vậy, điều Quyết nghị năm 1974 tiếp nhận không phải toàn bộ hệ thống tín ngưỡng cổ truyền, mà là những giá trị đạo hiếu cùng các hình thức tôn kính tổ tiên phù hợp với đức tin Công giáo. Chính nguyên tắc ấy giải thích vì sao văn kiện nhìn nhận việc vái lạy trước bàn thờ, giường thờ tổ tiên, nhưng không chấp nhận việc bày hồn bạch trên bàn thờ gia tiên, đồng thời đặt nền tảng cho việc tìm hiểu những hướng dẫn mục vụ về sau.

## 9. Từ Quyết nghị 1974 đến Văn kiện Hướng dẫn hiện nay

Tiếp nối đường hướng mục vụ của *Quyết nghị về Lễ nghi Tôn kính Ông bà Tổ tiên* ngày 14.11.1974, văn kiện *Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên*, công bố ngày 7.10.2025, tiếp tục nhìn nhận và khuyến khích những hình thức diễn tả lòng hiếu thảo, biết ơn và tưởng nhớ tổ tiên trong đời sống gia đình Công giáo. Tuy nhiên, khi đối chiếu hai văn kiện, chúng ta nhận thấy một khác biệt đáng chú ý về cách gọi tên nơi dành cho việc kính nhớ ông bà.

Trong phần hướng dẫn về *bàn thờ gia tiên*, văn kiện năm 2025 khuyến khích các gia đình Công giáo thiết lập một “bàn thờ gia tiên đơn sơ”, có thể đặt hoặc treo di ảnh người đã khuất, cùng những vật phẩm như hương, hoa, đèn nến và bánh trái. Việc bài trí này nhằm bày tỏ lòng biết ơn đối với tiền nhân, gìn giữ truyền thống đạo hiếu và cầu nguyện cho người đã qua đời, chứ không phải thiết lập một nơi thờ phượng khác bên cạnh việc thờ phượng Thiên Chúa.

Đối chiếu với Quyết nghị năm 1974, có thể thấy văn kiện trước đây sử dụng cụm từ “bàn thờ, giường thờ Tổ Tiên”, trong khi phần hướng dẫn chính của văn kiện năm 2025 chủ yếu dùng thuật ngữ “bàn thờ gia tiên”. Sự khác biệt này không chỉ đáng chú ý về phương diện ngôn ngữ,

mà còn gợi mở những biến đổi trong cách tổ chức không gian thờ kính tổ tiên của gia đình Việt Nam.

Như đã trình bày, *giường thờ* là tên gọi được ghi nhận trong từ điển và phong tục truyền thống, đặc biệt tại một số địa phương Nam Bộ. Trong một số ngôi nhà xưa, *giường thờ* có thể là vật dụng riêng, được bố trí cùng *bàn thờ* hoặc *tủ thờ*; nhưng ở những trường hợp khác, tên gọi ấy gần như đồng nghĩa với *bàn thờ tổ tiên*. Cùng với sự thay đổi kiến trúc nhà ở và việc giản lược không gian thờ tự, *giường thờ* truyền thống dần ít gặp hơn, trong khi *bàn thờ gia tiên* trở thành cách gọi quen thuộc đối với nhiều gia đình hiện nay.

Từ góc độ ấy, việc văn kiện năm 2025 chủ yếu sử dụng thuật ngữ *bàn thờ gia tiên* có thể được hiểu là cách diễn đạt phù hợp với ngôn ngữ và hoàn cảnh sinh hoạt đương đại, chứ không nhất thiết phản ánh một thay đổi về giáo lý. Tuy nhiên, đây chỉ là nhận định dựa trên sự biến đổi của từ ngữ và phong tục, không phải lời giải thích được chính văn kiện đưa ra. Việc thuật ngữ *giường thờ* không xuất hiện trong phần hướng dẫn chính cũng không đủ căn cứ để kết luận rằng vật dụng ấy đã bị loại bỏ hoặc không còn được chấp nhận.

Điều quan trọng hơn là sự tiếp nối về nguyên tắc mục vụ. Quyết nghị năm 1974 nhìn nhận việc thắp hương, đèn nến, vái lạy và thực hiện lễ gia tiên trước *bàn thờ* hoặc *giường thờ* như những hình thức có thể diễn tả lòng hiếu thảo, đồng thời loại trừ các yếu tố mê tín dị đoan. Văn kiện năm 2025 tiếp tục nhấn mạnh đạo hiếu, việc tưởng nhớ tổ tiên và cầu nguyện cho người đã khuất, đồng thời hướng dẫn người tín hữu thực hành những phong tục ấy phù hợp với đức tin Công giáo.

Như vậy, giữa Quyết nghị năm 1974 và văn kiện Hướng dẫn năm 2025 có sự tiếp nối về tinh thần mục vụ, dù cách sử dụng thuật ngữ đã thay đổi. Sự khác biệt giữa “*bàn thờ, giường thờ Tổ Tiên*” và “*bàn thờ gia tiên*” nhắc chúng ta rằng khi nghiên cứu các văn kiện lịch sử của Giáo hội, cần quan tâm không chỉ đến nội dung thần học, mà còn đến bối cảnh văn hóa và sự biến đổi của ngôn ngữ qua từng thời kỳ.

## 10. “Đơn sơ” là một chữ đáng chú ý

Khi hướng dẫn việc thiết lập nơi kính nhớ tổ tiên trong gia đình Công giáo, *Văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên* năm 2025 sử dụng một cách diễn đạt đáng chú ý: “nên lập bàn thờ gia tiên đơn sơ để kính nhớ ông bà tổ tiên.” Hai chữ đơn sơ tuy ngắn gọn nhưng mang ý nghĩa định hướng, cho thấy giá trị của *bàn thờ gia tiên* không trước hết nằm ở quy mô, hình thức trang trí hay số lượng vật phẩm, mà ở mục đích và ý nghĩa của việc tưởng niệm.

Trong văn hóa Việt Nam, bàn thờ tổ tiên thường được đặt ở vị trí trang trọng, với cách bài trí khác nhau tùy điều kiện kinh tế, phong tục địa phương và truyền thống gia đình. Có những bàn thờ chạm trổ công phu, sử dụng vật liệu quý và nhiều lễ phẩm; nhưng cũng có những bàn thờ giản dị, chỉ gồm di ảnh, bình hoa, ngọn đèn và bát hương. Những khác biệt ấy phản ánh hoàn cảnh và nếp sống của mỗi gia đình, nhưng sự cầu kỳ hay giản dị tự nó chưa đủ để xác định chiều sâu của lòng hiếu thảo.

Đối với người Công giáo, *bàn thờ gia tiên* trước hết là nơi con cháu tưởng nhớ công ơn sinh thành, dưỡng dục của ông bà cha mẹ, bày tỏ lòng biết ơn đối với tiền nhân và cầu nguyện cho những người đã qua đời. Vì thế, kính nhớ, biết ơn, hiếu thảo và cầu nguyện là những giá trị cần được đặt ở trung tâm. Dù là một bàn thờ được chế tác công phu hay chỉ là chiếc kệ nhỏ trong ngôi nhà khiêm tốn, nơi ấy vẫn có thể quy tụ ký ức gia đình và nhắc nhở con cháu về bốn phận đối với các thế hệ đi trước.

Theo nghĩa đó, đơn sơ không có nghĩa là sơ sài, thiếu chăm sóc hoặc thiếu trang nghiêm, mà là lời nhắc đừng đặt quá nhiều trọng tâm vào những yếu tố vật chất không cần thiết. Một bàn thờ giản dị vẫn có thể sạch sẽ, đẹp đẽ và trang trọng; ngược lại, bàn thờ lớn với nhiều đồ thờ và lễ phẩm không tự nó bảo đảm lòng hiếu thảo chân thành. Điều quan trọng là những hình thức ấy có thực sự giúp con cháu sống tâm tình kính nhớ, biết ơn và cầu nguyện hay không.

Ở đây, có thể trở lại với chữ **hiếu** (孝) trong truyền thống Hán-Việt. Chữ hiếu gọi nhắc bốn phận của con cháu đối với ông bà cha mẹ và mối liên

hệ giữa các thế hệ, trong đó người đi sau tiếp nhận sự sống, công lao dưỡng dục và di sản tinh thần của người đi trước. Trong đời sống thực tế, lòng hiếu thảo trước hết phải được thể hiện qua việc kính trọng, chăm sóc cha mẹ khi còn sống, gìn giữ những giá trị tốt đẹp của gia đình và tưởng nhớ người đã khuất. Bàn thờ gia tiên là một hình thức biểu lộ đạo hiếu, nhưng không thể thay thế những bốn phận cụ thể ấy.

Tinh thần này phù hợp với giáo huấn của Hội Thánh về bốn phận thảo kính cha mẹ. *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo* xác định rằng lòng kính trọng của con cái đối với cha mẹ bắt nguồn từ lòng biết ơn đối với những người đã trao ban sự sống, nuôi dưỡng và giáo dục mình (x. GLHTCG, số 2215). Lòng kính trọng ấy còn được biểu lộ qua sự vâng phục chính đáng khi còn nhỏ và việc trợ giúp cha mẹ về vật chất cũng như tinh thần trong những năm tháng tuổi già, đau yếu hoặc cô đơn (x. GLHTCG, số 2217-2218).

Đối chiếu với những lời dạy trong Hiếu kinh, có thể nhận thấy cả hai truyền thống đều nhấn mạnh rằng lòng hiếu thảo không thể chỉ giới hạn trong những nghi thức dành cho người đã qua đời. Nếu Hiếu kinh đặt việc tế tự bên cạnh những bốn phận kính trọng, phụng dưỡng và chăm sóc cha mẹ khi còn sống, thì giáo huấn Công giáo cũng đặt trọng tâm vào lòng biết ơn và những hành động cụ thể của con cái đối với cha mẹ. Vì vậy, bàn thờ gia tiên dù được thiết lập trang trọng đến đâu cũng không thể thay thế bốn phận yêu thương, chăm sóc và phụng dưỡng cha mẹ trong đời sống hằng ngày.

Đặt trong mạch phát triển của các văn kiện Công giáo, cách diễn đạt bàn thờ gia tiên đơn sơ còn làm nổi bật sự phân biệt giữa hình thức vật chất và giá trị tinh thần. Quyết nghị năm 1974 nhìn nhận bàn thờ, giường thờ cùng những cử chỉ kính lễ như các hình thức có thể diễn tả lòng hiếu thảo, đồng thời loại trừ những yếu tố tín ngưỡng không phù hợp với đức tin. Văn kiện năm 2025 tiếp tục định hướng người tín hữu thực hành đạo hiếu cách trang nghiêm, phù hợp với hoàn cảnh gia đình và đặt trọng tâm vào việc tưởng nhớ, biết ơn, cầu nguyện.

Như vậy, từ *giường thờ* trong truyền thống xưa đến *bàn thờ gia tiên đơn sơ* trong văn kiện hiện nay, hình thức vật dụng và cách gọi có thể thay

đổi, nhưng giá trị đạo hiếu vẫn cần được gìn giữ. Bởi suy cho cùng, chữ **hiếu** (孝) trước hết phải được thể hiện trong cách con người sống với nhau, rồi mới được biểu lộ qua những vật dụng và nghi thức dành cho người đã khuất.

## 11. Di ảnh có phải là đối tượng được “thờ” không?

Một chi tiết đáng chú ý trong *Văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên* năm 2025 là việc nhìn nhận hình thức đặt hoặc treo di ảnh của ông bà, cha mẹ và những người thân đã qua đời tại *bàn thờ gia tiên*. Đối với nhiều gia đình Việt Nam, di ảnh đã trở thành vật dụng quen thuộc, giúp con cháu nhận diện và tưởng nhớ những người đã sinh thành, dưỡng dục mình. Tuy nhiên, sự hiện diện của di ảnh trên *bàn thờ* cũng đặt ra câu hỏi: Khi đặt ảnh người đã khuất trên *bàn thờ*, có phải người ta đang thờ phượng chính người trong ảnh hay không?

Trước hết, cần phân biệt giữa bức ảnh và con người được thể hiện trong ảnh. Di ảnh lưu giữ diện mạo, danh tính và những kỷ niệm gắn với người đã qua đời; nó không phải là chính người ấy, cũng không tự nó trở thành nơi cư ngụ của linh hồn. Giá trị của di ảnh không nằm ở chất liệu hay khung kính, mà ở mối liên hệ với người được tưởng nhớ. Vì thế, bức ảnh trở thành dấu chỉ của ký ức, giúp con cháu nhớ đến cuộc đời, công lao và tình nghĩa của người đã khuất.

Khi được đặt trên *bàn thờ gia tiên*, di ảnh mang ý nghĩa trang trọng hơn một vật lưu niệm thông thường, bởi nó hiện diện trong không gian dành cho việc kính nhớ tổ tiên. Trước di ảnh, con cháu có thể thắp hương, thắp nến, cúi đầu hoặc vái lạy để bày tỏ lòng biết ơn, sự hiếu kính và cầu nguyện cho người đã qua đời. Những cử chỉ ấy không nhất thiết mang ý nghĩa thờ phượng người trong ảnh, mà có thể là cách biểu lộ lòng tôn kính đối với người được tưởng nhớ.

Sự phân biệt này liên quan trực tiếp đến nghĩa của chữ *thờ* trong tiếng Việt. Người Việt thường nói *thờ ông bà*, *thờ cha mẹ* hoặc *thờ tổ tiên* để diễn tả lòng kính nhớ và bốn phận hiếu thảo. Tuy nhiên, trong thần học Công giáo, sự thờ phượng dành riêng cho Thiên Chúa phải được phân

biệt với lòng tôn kính dành cho con người, kể cả người đã qua đời. Vì vậy, việc đặt di ảnh trên *bàn thờ gia tiên* không tự nó có nghĩa là tôn thờ ông bà như thần linh; ý nghĩa còn tùy thuộc vào niềm tin và mục đích của người thực hiện.

Để làm sáng tỏ sự phân biệt giữa hình ảnh và đối tượng được tôn kính, có thể tham khảo nguyên tắc thần học được trình bày trong *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo*, số 2132. Khi giải thích việc tôn kính ảnh thánh, sách xác định rằng sự tôn kính dành cho ảnh tượng không phải là hành vi thờ phượng, vốn chỉ dành riêng cho Thiên Chúa, nhưng quy hướng về người được hình ảnh ấy biểu thị. Nguyên tắc này cho thấy cần phân biệt giữa vật thể được sử dụng làm hình ảnh và đối tượng mà hình ảnh gợi nhớ hoặc biểu thị.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng giáo huấn về ảnh thánh thuộc phạm vi thần học về việc tôn kính Đức Kitô, Đức Maria và các thánh, nên không thể đồng nhất hoàn toàn với việc đặt di ảnh ông bà, cha mẹ trên bàn thờ gia tiên. Việc tham khảo số 2132 chỉ nhằm soi sáng nguyên tắc phân biệt giữa hình ảnh và đối tượng được biểu thị, chứ không có nghĩa là di ảnh tổ tiên được đặt ngang hàng với ảnh thánh trong đời sống phụng vụ. Đối với người Công giáo, di ảnh ông bà cha mẹ trước hết là dấu chỉ tưởng niệm, giúp con cháu bày tỏ lòng biết ơn, gìn giữ ký ức gia đình và cầu nguyện cho người đã qua đời.

Cũng không thể chỉ căn cứ vào hình thức bên ngoài để xác định nội dung tín ngưỡng của một nghi thức. Có di ảnh trên bàn thờ không đồng nghĩa với việc thờ phượng người trong ảnh; thắp hương hoặc vái lạy cũng không nhất thiết là hành vi thờ thần. Trong văn hóa Việt Nam, những cử chỉ ấy có thể diễn tả lòng tưởng nhớ, biết ơn và kính trọng, nhưng cũng có thể gắn với những quan niệm tín ngưỡng khác nhau tùy hoàn cảnh.

Tuy nhiên, không nên vì thế mà cho rằng mọi cách sử dụng di ảnh đều chỉ mang ý nghĩa tưởng niệm. Cùng một bức ảnh hoặc cử chỉ thắp hương có thể đi kèm những lời khấn, nghi thức và quan niệm khác nhau về người đã khuất. Bởi vậy, khi phân định một thực hành có phù hợp với đức tin Công giáo hay không, cần xem xét cả mục đích, niềm tin và nội

dung nghi lễ, tránh đồng nhất mọi hình thức kính nhớ tổ tiên với việc thờ phượng thần linh, nhưng cũng không mặc nhiên xem mọi tập tục đều thuần túy mang ý nghĩa hiếu thảo.

Đặt trong mối liên hệ với Quyết nghị năm 1974 và văn kiện Hướng dẫn năm 2025, di ảnh trên bàn thờ gia tiên là một phương tiện giúp người Công giáo gìn giữ kỷ ức gia đình và thực hành đạo hiếu. Bức ảnh gợi nhớ một con người cụ thể, nhưng không thay thế con người ấy và cũng không phải đối tượng của sự thờ phượng dành riêng cho Thiên Chúa.

Như vậy, **di ảnh trên bàn thờ gia tiên trước hết là dấu chỉ tưởng niệm, chứ không đương nhiên là đối tượng được thờ phượng.** Qua di ảnh, công ơn của những thế hệ trước được nhắc nhớ, đồng thời con cháu được mời gọi tiếp tục sống lòng hiếu thảo, biết ơn và cầu nguyện cho những người đã qua đời.

## **12. Hương, hoa, đèn nến, bánh trái có ý nghĩa gì?**

Một chi tiết đáng chú ý trong văn kiện *Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên* năm 2025 là việc nhìn nhận những vật phẩm quen thuộc trên bàn thờ gia tiên như hương, hoa, đèn nến và bánh trái. Đây là những vật dụng đã hiện diện từ lâu trong văn hóa Việt Nam, thường được sử dụng vào dịp giỗ chạp, lễ Tết hoặc những ngày gia đình sum họp để tưởng nhớ tổ tiên. Việc văn kiện đề cập đến chúng cho thấy Giáo hội không chủ trương loại bỏ mọi hình thức truyền thống chỉ vì từng được sử dụng trong nghi lễ dân gian, nhưng nhìn nhận những giá trị văn hóa có thể diễn tả lòng kính nhớ và biết ơn, miễn là phù hợp với đức tin Công giáo.

Tuy nhiên, văn kiện cũng nhắc nhở rằng người đã qua đời cần đến lời cầu nguyện, những hy sinh và việc lành phúc đức của con cháu hơn là những thức ăn vật chất mà họ không còn hưởng dùng như người đang sống. Điều này giúp phân biệt giữa việc dâng bày lễ phẩm như một cử chỉ tưởng niệm với quan niệm người quá cố thực sự trở về ăn uống những thức ăn được đặt trên bàn thờ. Cùng một hình thức vật chất có thể mang những ý nghĩa tín ngưỡng khác nhau.

Trong truyền thống Việt Nam, **bánh trái** được dâng bày vào dịp giỗ

chạp có thể biểu lộ lòng biết ơn, đồng thời gợi nhớ những bữa cơm sum họp và tình nghĩa gia đình. Việc chuẩn bị những món ăn quen thuộc để tưởng nhớ ông bà có thể được hiểu như một cách gìn giữ kỷ ức về người thân, chứ không nhất thiết hàm ý rằng linh hồn người quá cố cần được nuôi dưỡng bằng thức ăn. Đối với người Công giáo, ý nghĩa tưởng niệm ấy có thể được gìn giữ, nhưng quan niệm người đã khuất lệ thuộc vào lễ phẩm vật chất thì không phù hợp với đức tin.

Tương tự, **hoa** trên bàn thờ gia tiên có thể biểu lộ lòng kính trọng, yêu mến và tưởng nhớ, cũng như trong đời sống thường ngày người ta dùng hoa để tri ân hoặc tưởng niệm người thân. Đèn nến góp phần tạo nên vẻ trang nghiêm, đồng thời có thể gợi lên ý nghĩa về ánh sáng, kỷ ức và niềm hy vọng. Với người Công giáo, ánh nến còn có thể nhắc nhớ Đức Kitô là ánh sáng và niềm hy vọng phục sinh, nhưng không vì thế mà mọi ngọn nến trên bàn thờ gia tiên đều phải mang một ý nghĩa thần học cố định.

Riêng **hương** có vị trí đặc biệt trong văn hóa Việt Nam, thường gắn với những cử chỉ thành kính trước bàn thờ tổ tiên, tại phần mộ hoặc trong các dịp tưởng niệm. Nén hương có thể diễn tả lòng kính trọng, biết ơn và tưởng nhớ ông bà cha mẹ. Tuy nhiên, không nên đồng nhất ý nghĩa ấy với mọi quan niệm tín ngưỡng từng gắn với việc đốt hương, bởi tập tục này có thể mang những mục đích khác nhau tùy truyền thống. Điều cần phân định không chỉ là có thắp hương hay không, mà còn là niềm tin và ý nghĩa người thực hiện gắn với hành vi ấy.

Từ những trường hợp trên, có thể nhận ra một nguyên tắc quan trọng: **hình thức văn hóa có thể được gìn giữ, nhưng nội dung tín ngưỡng gắn với hình thức ấy vẫn cần được phân định**. Bánh trái có thể diễn tả lòng biết ơn, hoa biểu lộ sự kính trọng, đèn nến tạo vẻ trang nghiêm, còn hương là dấu chỉ của lòng thành kính. Không vật phẩm nào tự nó chứng minh rằng người sử dụng đang thờ phượng tổ tiên như thần linh hoặc tin rằng người đã khuất cần hưởng dùng những lễ vật ấy.

Ở đây, có thể nói đến việc tiếp nhận và thanh luyện những hình thức văn hóa truyền thống. Tiếp nhận là nhìn nhận các giá trị đạo đức và nhân bản được diễn tả qua phong tục, nhất là lòng hiếu thảo, biết ơn và

sự gắn bó giữa các thế hệ; còn thanh luyện là phân định, loại bỏ những quan niệm không phù hợp với đức tin. Tuy nhiên, không nên mặc nhiên xem mọi vật phẩm truyền thống đều mang nội dung mê tín, bởi nhiều cử chỉ dân gian vốn đã có ý nghĩa tình cảm, luân lý và tưởng niệm.

Trong tinh thần ấy, lời nhắc nhở của văn kiện năm 2025 về việc cầu nguyện, hy sinh và làm việc lành phúc đức cho người đã khuất mang ý nghĩa đặc biệt. Đối với người Công giáo, lòng hiếu thảo không dừng lại ở lễ phẩm và nghi thức, mà còn được thể hiện qua lời cầu nguyện, việc tham dự Thánh lễ cầu cho người đã qua đời và những hành động bác ái. Những việc ấy không phủ nhận giá trị văn hóa của hương, hoa, đèn nến và bánh trái, nhưng đặt chúng vào đúng vị trí là những dấu chỉ bên ngoài của tâm tình kính nhớ.

Trong giáo huấn Công giáo, mối liên hệ giữa người sống và người đã qua đời được diễn tả trước hết qua lời cầu nguyện và niềm tin vào sự hiệp thông trong Đức Kitô. *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo*, số 958, dạy rằng việc cầu nguyện cho những người đã qua đời không những có thể giúp ích cho họ mà còn làm cho lời chuyển cầu của họ dành cho chúng ta trở nên hữu hiệu. Số 1032 cũng xác nhận rằng ngay từ thời kỳ đầu, Hội Thánh đã kính nhớ những người qua đời và dâng lời cầu nguyện cho họ, đặc biệt là hy tế Thánh Thể, để họ được thanh luyện và đạt tới hạnh phúc hưởng kiến Thiên Chúa.

Từ nền tảng ấy, có thể nhận thấy sự khác biệt giữa những phẩm vật tưởng niệm và những việc làm mang ý nghĩa thiêng liêng đối với người đã qua đời. Hương, hoa, đèn nến và bánh trái có thể là những dấu chỉ văn hóa diễn tả lòng hiếu kính, nhưng không phải là phương tiện nuôi dưỡng linh hồn. Đối với người Công giáo, việc cầu nguyện, xin dâng Thánh lễ và thực hiện những việc bác ái mới là những cách thể phù hợp với đức tin để tiếp tục bày tỏ tình yêu thương đối với người đã khuất. Những việc ấy không phủ nhận giá trị tưởng niệm của phẩm vật truyền thống, nhưng giúp đặt chúng vào đúng vị trí trong đời sống đạo hiếu.

Như vậy, việc văn kiện năm 2025 nhìn nhận những vật phẩm truyền thống trên bàn thờ gia tiên không đồng nghĩa với chấp nhận mọi quan niệm tín ngưỡng cổ truyền, mà là nhìn nhận những hình thức văn hóa

có thể phục vụ việc thực hành đạo hiếu. **Vật phẩm có thể được giữ lại, nhưng ý nghĩa của việc sử dụng vật phẩm cần được phân định và thực hành phù hợp với đức tin Công giáo.**

Trong giáo huấn Công giáo, mối liên hệ giữa người sống và người đã qua đời được diễn tả trước hết qua lời cầu nguyện và niềm tin vào sự hiệp thông trong Đức Kitô. *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo*, số 958, dạy rằng việc cầu nguyện cho những người đã qua đời không những có thể giúp ích cho họ mà còn làm cho lời chuyển cầu của họ dành cho chúng ta trở nên hữu hiệu. Số 1032 cũng xác nhận rằng ngay từ thời kỳ đầu, Hội Thánh đã kính nhớ những người qua đời và dâng lời cầu nguyện cho họ, đặc biệt là hy tế Thánh Thể, để họ được thanh luyện và đạt tới hạnh phúc hưởng kiến Thiên Chúa.

Từ nền tảng ấy, có thể nhận thấy sự khác biệt giữa những phẩm vật tưởng niệm và những việc làm mang ý nghĩa thiêng liêng đối với người đã qua đời. Hương, hoa, đèn nến và bánh trái có thể là những dấu chỉ văn hóa diễn tả lòng hiếu kính, nhưng không phải là phương tiện nuôi dưỡng linh hồn. Đối với người Công giáo, việc cầu nguyện, xin dâng Thánh lễ và thực hiện những việc bác ái mới là những cách thể phù hợp với đức tin để tiếp tục bày tỏ tình yêu thương đối với người đã khuất. Những việc ấy không phủ nhận giá trị tưởng niệm của phẩm vật truyền thống, nhưng giúp đặt chúng vào đúng vị trí trong đời sống đạo hiếu.

### **13. Bàn thờ gia tiên và bàn thờ Chúa có giống nhau không?**

Đây là câu hỏi đặc biệt quan trọng đối với các gia đình Công giáo, bởi tuy cùng được gọi là bàn thờ, nhưng bàn thờ Chúa và bàn thờ gia tiên không mang cùng một ý nghĩa thần học.

*Quyết nghị về Lễ nghi Tôn kính Ông bà Tổ tiên* năm 1974 quy định:

“Bàn thờ gia tiên để kính nhớ Ông Bà Tổ Tiên được đặt dưới bàn thờ Chúa trong gia đình.”

Quy định này trước hết đề cập đến vị trí bài trí bàn thờ gia tiên trong tương quan với bàn thờ Chúa, đồng thời cũng có thể được hiểu như một cách thể hiện trật tự thần học mà văn kiện muốn bảo vệ. Theo đó,

Thiên Chúa là Đấng Tạo Hóa, đối tượng duy nhất của sự thờ phượng, còn ông bà, cha mẹ và tổ tiên là những người đã sinh thành, dưỡng dục và trao truyền sự sống qua các thế hệ, nên được con cháu kính nhớ, biết ơn và hiếu thảo.

Vì vậy, mặc dù tiếng Việt đều sử dụng chữ thờ trong hai cách nói thờ Chúa và thờ tổ tiên, nhưng nội dung của hai hành vi ấy không đồng nhất. Thờ phượng Thiên Chúa là hành vi tôn giáo dành riêng cho Đấng Tạo Hóa, trong khi thờ kính tổ tiên là cách diễn tả lòng hiếu thảo, sự tưởng nhớ và tri ân đối với những người đã khuất.

Sự khác biệt ấy có thể được xác định rõ hơn qua *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo*. Các số 2096–2097 giải thích rằng việc thờ phượng là hành vi căn bản của nhân đức thờ phượng, qua đó con người nhìn nhận Thiên Chúa là Đấng Tạo Hóa, là Chúa và là Đấng ban phát mọi sự. Trong khi đó, số 2199 xác nhận bốn phận kính trọng, yêu mến và biết ơn đối với những người cao niên và tổ tiên. Như vậy, cùng là những cử chỉ biểu lộ sự cung kính, nhưng việc thờ phượng Thiên Chúa và việc tôn kính tổ tiên không có cùng đối tượng và bản chất thần học.

Cũng cần phân biệt bàn thờ Chúa trong gia đình với bàn thờ được sử dụng trong phụng vụ Thánh Thể. Theo *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo*, số 1182, bàn thờ trong nhà thờ là nơi hy tế thập giá được hiện tại hóa dưới những dấu chỉ bí tích, đồng thời là bàn tiệc của Chúa mà Dân Thiên Chúa được mời tham dự. Vì vậy, không nên đồng nhất bàn thờ gia đình, dù là nơi cầu nguyện với Thiên Chúa, với bàn thờ được thánh hiến hoặc cung hiến để cử hành Thánh lễ. Cũng không thể đồng nhất bàn thờ gia tiên, vốn dành cho việc kính nhớ tổ tiên, với bàn thờ Thánh Thể. Sự phân biệt này giúp xác định chính xác ý nghĩa của chữ bàn thờ trong những hoàn cảnh khác nhau, tránh suy diễn rằng mọi nơi được gọi là bàn thờ đều có cùng chức năng phụng tự.

Đây cũng chính là sự phân biệt đã được trình bày trong bài khảo cứu THỜ LÀ GÌ?: Thờ tổ tiên thuộc phạm vi đạo hiếu (孝), còn sự thờ phượng tuyệt đối chỉ dành riêng cho Thiên Chúa. Hiểu đúng sự khác biệt ấy giúp người Công giáo vừa gìn giữ truyền thống kính nhớ ông bà tổ tiên, vừa thể hiện rõ niềm tin của mình trong cách tổ chức và thực hành việc thờ

kính tại gia đình.

#### **14. Từ giường thờ đến bàn thờ: hình thức thay đổi, đạo hiếu còn lại**

Nhìn lại những hình thức thờ kính tổ tiên trong đời sống gia đình Việt Nam, đặc biệt qua một số tập quán được ghi nhận tại Nam Bộ, chúng ta có thể hình dung sự biến đổi của không gian thờ tự qua một sơ đồ khái quát:

GIƯỜNG CỦA ÔNG BÀ



GIƯỜNG THỜ



BÀN THỜ / ÁN THỜ / TỦ THỜ



BÀN THỜ GIA TIÊN TRONG NHÀ HIỆN ĐẠI

Tuy nhiên, đây chỉ là sơ đồ minh họa cho một số hình thức và khả năng biến đổi trong truyền thống thờ kính tổ tiên, chứ không phải một tiến trình phát triển duy nhất, diễn ra theo cùng một thứ tự ở mọi miền đất nước. Tùy theo địa phương, điều kiện cư trú và tập quán gia đình, những vật dụng ấy có thể xuất hiện riêng biệt, cùng tồn tại hoặc thay thế nhau qua thời gian.

Dẫu vậy, sự biến đổi của hình thức vật chất vẫn cho thấy một điều đáng suy nghĩ: không gian thờ tự có thể thay đổi, nhưng nhu cầu gìn giữ ký ức gia đình và bày tỏ lòng biết ơn đối với những người đi trước vẫn được tiếp nối. Ngày nay, một căn hộ chung cư có thể không còn đủ chỗ cho chiếc giường thờ lớn như trong những ngôi nhà truyền thống, và một gia đình trẻ có thể chỉ dành một chiếc kệ nhỏ để đặt di ảnh ông bà, bình hoa cùng ngọn nến. Sự giản dị ấy không làm giảm đi giá trị của đạo hiếu, bởi lòng hiếu thảo không được đo bằng kích thước bàn thờ hay số lượng những vật phẩm được bày biện, mà trước hết được thể hiện qua mối tương quan giữa người đang sống với những người đã sinh thành,

dưỡng dục và trao truyền sự sống cho mình.

Từ góc nhìn văn hiến, Hiếu kinh đã đặt việc tế tự tổ tiên trong mối liên hệ với những bổn phận của người con đối với cha mẹ khi còn sống, đồng thời nhấn mạnh lòng tưởng nhớ và thái độ trang nghiêm trong những nghi lễ dành cho người đã qua đời. Từ góc nhìn thần học Công giáo, *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo* xác nhận bốn phận kính trọng và biết ơn tổ tiên, nhưng phân biệt rõ lòng tôn kính ấy với hành vi thờ phượng chỉ dành riêng cho Thiên Chúa. Hai nguồn tư liệu thuộc những truyền thống tư tưởng khác nhau, nhưng khi được đặt đúng phạm vi, có thể giúp soi sáng ý nghĩa của bàn thờ gia tiên trong đời sống văn hóa và đức tin của người Công giáo Việt Nam. Theo đó, bàn thờ gia tiên không phải là nơi con cháu thần thánh hóa tổ tiên, mà có thể là không gian tưởng niệm, nơi lòng hiếu thảo được biểu lộ qua những cử chỉ văn hóa và được nâng đỡ bằng lời cầu nguyện cho những người đã qua đời.

### **BÀN THỜ GIA TIÊN LÀ KHÔNG GIAN CỦA CHỮ HIẾU 孝**

Bàn thờ gia tiên không nhất thiết là nơi con cháu tôn tổ tiên lên hàng thần linh. Đối với người Công giáo, đó có thể là một không gian hữu hình của kỷ ức và đạo hiếu, nơi di ảnh gợi nhớ khuôn mặt những người đã khuất, hương hoa và đèn nến diễn tả lòng thành kính, ngày giỗ trở thành dịp quy tụ những người còn sống, còn lời cầu nguyện thể hiện tình hiệp thông với những người đã qua đời.

Trong dòng chảy văn hóa ấy, giường thờ là một dấu tích đáng chú ý của những hình thức thờ kính tổ tiên từng hiện diện trong không gian gia đình truyền thống. Tên gọi này tuy có phần xa lạ với nhiều người trẻ ngày nay, nhưng lại giúp chúng ta nhận ra rằng việc tưởng nhớ ông bà tổ tiên từng gắn bó mật thiết với ngôi nhà, chiếc giường, gian giữa và những sinh hoạt thường ngày của gia đình.

Bởi vậy, khi Quyết nghị về Lễ nghi Tôn kính Ông bà Tổ tiên năm 1974 đề cập đến “bàn thờ, giường thờ Tổ Tiên”, còn văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên năm 2025 khuyến khích “mỗi gia đình Công giáo nên lập bàn thờ gia tiên đơn sơ để kính nhớ ông bà tổ tiên”, chúng ta có thể nhận ra rằng, tuy cách diễn đạt và hình thức vật dụng có những thay đổi theo thời gian, cả hai văn kiện đều hướng đến việc gìn giữ và thực hành

lòng hiếu thảo trong sự phù hợp với đức tin Công giáo.

Như vậy, ý nghĩa của nơi thờ kính tổ tiên không thể được xác định chỉ bằng tên gọi, hình dáng hoặc những vật phẩm đặt trên đó, mà còn phải được hiểu từ lòng hiếu thảo, những cử chỉ tưởng niệm và niềm tin của những người thực hiện. Từ chiếc giường thờ trong một số ngôi nhà truyền thống đến bàn thờ gia tiên đơn sơ trong gia đình hiện đại, điều cần được gìn giữ không chỉ là một hình thức thờ tự, mà chính là ký ức về cội nguồn và bốn phận của con cháu đối với các thế hệ đi trước.

Có thể cô đọng ý nghĩa ấy như sau:

**BÀN THỜ GIA TIÊN** là nơi biểu hiện chữ HIẾU.

**GIƯỜNG THỜ** là một hình thức lịch sử của không gian biểu hiện chữ HIẾU.

Còn **đối tượng của sự THỜ PHƯỢNG** tuyệt đối vẫn chỉ là THIÊN CHÚA.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO BỔ SUNG

1. Ủy ban Văn hóa và Ủy ban Giáo lý Đức tin, Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên*, công bố tại Đà Lạt, ngày 7.10.2025
2. Nguyễn Hạnh, *Từ Hiếu Kinh đến Văn hóa tín ngưỡng Việt Nam*, Nxb Đồng Nai, 2024, thiên *Kỷ hiếu hành* (紀孝行), chương 10; thiên *Tang thân* (喪親), chương 18.
3. Hội Thánh Công giáo, *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo*, các số 958, 1032, 1182, 2096–2097, 2112–2114, 2132, 2199, 2215, 2217–2218.